VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 209/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm d khoản 2 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối với đối tượng là quân nhân, cơ yếu; công an cấp tỉnh đối với đối tượng là công an".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Chỉ huy quân sự, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; công an cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp, báo cáo Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;".

2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, khoản, điểm sau:

a) Thay thế cụm từ "ngành Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "ngành Nội vụ" tại điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 4.

b) Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Công an" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân" tại điểm e khoản 2 Điều 6.

c) Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 6.

d) Thay thế cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Bộ Nội vụ" tại khoản 1, khoản 2 Điều 8.

đ) Bãi bỏ cụm từ "đăng ký hộ khẩu" tại điểm a khoản 2 Điều 6.

e) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 6.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

"b) Đối với đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ hỗ trợ:

Người được ủy quyền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người được ủy quyền thường trú;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ do người được ủy quyền chuyển đến. Theo từng đợt, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức hội nghị xét duyệt; hoàn thiện hồ sơ cho từng đối tượng có đủ điều kiện hưởng chế độ (mỗi đối tượng 01 bộ); lập biên bản hội nghị xét duyệt theo Mẫu số 5, công văn đề nghị theo

Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đối tượng, làm công văn đề nghị theo Mẫu số 2, danh sách đối tượng theo Mẫu số 3C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ đối tượng (mỗi đối tượng 01 bộ), báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu qua Cục Chính trị quân khu.

Cục Chính trị quân khu, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ;

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo Cục Chính trị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký "Giấy chứng nhận" đối với các đối tượng; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.".

2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, từ sau:

a) Thay thế các cụm từ như sau:

Thay thế cụm từ "Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Nội vụ" tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 10, Mẫu số 3, Mẫu số 4 và Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ "Cục Chính sách" bằng cụm từ "Cục Chính sách - Xã hội" tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 9, Mẫu số 3A và Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ "Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện" bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã" tại điểm b khoản 1 Điều 9.

Thay thế cụm từ "Bộ Thông tin và Truyền thông" bằng cụm từ "Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch" tại khoản 5 Điều 10.

Thay thế cụm từ "Số CMTND (Hộ chiếu)" bằng cụm từ "CMND/Mã định danh cá nhân/CCCD/CC/Hộ chiếu" tại Mẫu số 1A, 1B, 1C, 2A và 2B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

b) Bãi bỏ cụm từ, từ sau:

Bãi bỏ cụm từ "hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài" tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 6.

Bãi bỏ cụm từ "hoặc bản sao có chứng thực của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài" tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6.

Bãi bỏ cụm từ "đăng ký hộ khẩu" tại Mẫu số 1A, 1B, 1C, 2A, 2B, 3, 3B, 3C và 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bãi bỏ từ "huyện" tại Mẫu số 1A, 1B, 2A và 2B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bãi bỏ từ "huyện (quận)" tại Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

"b) Tiêu chuẩn cụ thể

Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ, hạ sĩ quan dự bị đã giữ chức phó trung đội trưởng hoặc cán bộ tiểu đội và tương đương; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, nếu thiếu, tuyển chọn đến tốt nghiệp trung học cơ sở, với người dân tộc thiểu số tuyển chọn trình độ học vấn lớp 7 trở lên; tuổi đời đối với quân nhân chuyên nghiệp không quá 35, hạ sĩ quan chuẩn bị xuất ngũ và hạ sĩ quan dự bị không quá 30;

Cán bộ, công chức, viên chức; tuổi đời không quá 35; riêng đào tạo sĩ quan dự bị ngành y, dược, tuổi đời không quá 40; đào tạo sĩ quan dự bị chính trị phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

Công dân tốt nghiệp đại học trở lên, tuổi đời không quá 35; sinh viên khi tốt nghiệp đại học, tuổi đời không quá 32".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị đang lao động, làm việc hoặc thường trú tại địa phương, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành

phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xét duyệt; Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu thẩm định. Sau khi có kết quả, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định gọi đi đào tạo sĩ quan dự bị.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 7

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã lập hồ sơ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị; cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cung cấp hồ sơ”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Các học viện, nhà trường Quân đội được giao đào tạo sĩ quan dự bị, trong thời gian đào tạo có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sĩ quan dự bị (hồ sơ gốc) trên cơ sở hồ sơ tuyển chọn đào tạo sĩ quan dự bị, nội dung bổ sung, hoàn thiện gồm: Lý lịch sĩ quan dự bị, quyết định phong quân hàm sĩ quan dự bị, giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị và các giấy tờ khác có liên quan. Kết thúc khóa đào tạo, bàn giao hồ sơ về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan dự bị thường trú hoặc lao động, làm việc”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị

1. Đăng ký lần đầu

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này về nơi thường trú hoặc nơi lao động, làm việc (theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền) phải mang giấy giới thiệu và thẻ sĩ quan dự bị đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức để thực hiện đăng ký vào ngạch sĩ quan dự bị. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho các đối tượng nêu trên trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi thường trú để đăng ký;

b) Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp danh sách sĩ quan dự bị đã đăng ký báo

cáo về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi sĩ quan dự bị thường trú, lao động, làm việc để quản lý.

2. Đăng ký bổ sung

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị có sự thay đổi các yếu tố đã đăng ký, đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức để đăng ký bổ sung. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho sĩ quan dự bị trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tại nơi thường trú để đăng ký bổ sung;

b) Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp đăng ký bổ sung của sĩ quan dự bị báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

3. Đăng ký di chuyển

a) Sĩ quan dự bị trước khi di chuyển nơi thường trú hoặc nơi lao động, học tập, làm việc từ xã này sang xã khác phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã sở tại để làm thủ tục giới thiệu chuyển về Ban Chỉ huy quân sự nơi sẽ đến thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc mới;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày đến nơi thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc mới, sĩ quan dự bị phải đăng ký trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi đến để đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Đăng ký vắng mặt

a) Sĩ quan dự bị khi vắng mặt tại nơi thường trú hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc

Vắng mặt từ 30 ngày trở lên, sĩ quan dự bị phải báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc cơ quan, tổ chức nơi đang lao động, học tập, làm việc. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, nếu có sĩ quan dự bị vắng mặt, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức tổng hợp báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

Sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên vắng mặt từ 03 tháng trở lên, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã phải thông báo cho đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị biết; khi có lệnh tổng động viên, hoặc động viên cục bộ, sĩ quan dự bị

phải trở về ngay nơi thường trú hoặc nơi đang lao động, học tập, làm việc để sẵn sàng nhận nhiệm vụ;

b) Sĩ quan dự bị được cử đi công tác, học tập, làm việc ở nước ngoài hoặc ra nước ngoài vì việc riêng phải báo cáo Ban chỉ huy quân sự cấp xã hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc và nộp thẻ sĩ quan dự bị. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, hoặc Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc phải đến Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để đăng ký vắng mặt và nộp lại thẻ sĩ quan dự bị;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ở nước ngoài về đến nơi thường trú, hoặc nơi lao động, học tập, làm việc, sĩ quan dự bị phải thực hiện đăng ký bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

5. Đăng ký riêng

a) Sĩ quan dự bị thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 14/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định ngành, nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân đối với công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; công dân thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến và việc huấn luyện binh sĩ dự bị hạng hai; trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày sĩ quan dự bị nhận quyết định bổ nhiệm chức vụ thuộc diện nêu trên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc thông báo bằng văn bản hoặc gửi trên môi trường điện tử cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh biết để đăng ký vào diện miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến;

b) Sĩ quan dự bị không còn giữ các chức vụ quy định tại điểm a Khoản này, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thôi giữ chức vụ thuộc diện được miễn gọi phục vụ tại ngũ trong thời chiến, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức thông báo bằng văn bản hoặc gửi trên môi trường điện tử cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi thường trú để đăng ký bổ sung".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

"4. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký, quản lý sĩ quan dự bị".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

"1. Quản lý hồ sơ gốc sĩ quan dự bị

a) Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thiếu tá trở xuống;

b) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá trở xuống;

c) Các quân khu quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Trung tá;

d) Bộ Quốc phòng quản lý hồ sơ sĩ quan dự bị cấp Thượng tá trở lên".

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 13

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe

a) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, căn cứ số lượng sĩ quan dự bị thường trú tại địa phương, chỉ tiêu tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, phối hợp với cơ sở y tế cấp xã lập kế hoạch khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị đã được sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt;

b) Các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các học viện, trường đại học có trụ sở trên địa bàn cấp xã, có trách nhiệm hiệp đồng với Ban Chỉ huy quân sự cấp xã sở tại trong việc khám, kiểm tra sức khỏe cho sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe

a) Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cấp xã khám sức khỏe cho người được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị; cơ sở y tế cấp xã kiểm tra đối với sĩ quan dự bị theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận khám, kiểm tra, phân loại sức khỏe;

b) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm gửi giấy và triệu tập sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị để khám, kiểm tra sức khỏe;

c) Sĩ quan dự bị và đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị đến khám, kiểm tra sức khỏe phải xuất trình giấy triệu tập khám, kiểm tra sức khỏe của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc thẻ sĩ quan dự bị;"

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 5 như sau:

"a) Sổ sức khỏe sĩ quan dự bị do cơ sở y tế cấp xã lập, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã quản lý; kết quả kiểm tra sức khỏe sĩ quan dự bị được ghi chép đầy đủ vào sổ sức khỏe của từng sĩ quan dự bị để quản lý;

b) Phiếu khám sức khỏe của đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo sĩ quan dự bị thực hiện theo mẫu phiếu khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, tuyển sinh quân sự do Hội đồng khám sức khỏe cấp xã lập; khi tổ chức khám sức khỏe xong, bàn giao cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức; công dân tốt nghiệp đại học trở lên và hạ sĩ quan dự bị) hoặc bàn giao cho cơ sở giáo dục đại học (đối với sinh viên khi tốt nghiệp đại học) để hoàn thiện hồ sơ đào tạo sĩ quan dự bị.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 như sau:

"1. Hằng năm, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh lập kế hoạch phúc tra sĩ quan dự bị hiện có tại địa phương, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; hiệp đồng với đơn vị dự bị động viên phúc tra sĩ quan dự bị đã sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên; chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, nơi không có Ban Chỉ huy quân sự thì người đứng đầu, hoặc người đại diện hợp pháp có trụ sở trên địa bàn tổ chức phúc tra sĩ quan dự bị chưa sắp xếp, bổ nhiệm vào đơn vị dự bị động viên.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trở lên có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm công tác sĩ quan dự bị".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

"1. Báo cáo định kỳ: Hằng quý, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc có trách nhiệm thống kê số lượng, chất lượng sĩ quan dự bị báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh nơi thường trú trước ngày 15 của tháng cuối quý và hằng năm báo cáo trước ngày 15 tháng 12".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

"4. Khi kết thúc khóa huấn luyện, đơn vị tổ chức huấn luyện nhận xét, đánh giá từng sĩ quan dự bị, thông báo bằng văn bản cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc.".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

"2. Độ tuổi bổ nhiệm chức vụ lần đầu: Trung đội trưởng không quá 37, cán bộ đại đội không quá 42, cán bộ tiểu đoàn không quá 47, cán bộ trung đoàn không quá 52; những nơi thiếu nguồn có thể bổ nhiệm ở độ tuổi cao hơn nhưng không quá 02 tuổi so với độ tuổi nêu trên".

13. Sửa đổi khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 22

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Quy trình thực hiện

a) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh rà soát, lập danh sách những sĩ quan dự bị đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có nhu cầu sắp xếp, bổ nhiệm, thăng quân hàm hoặc không đủ tiêu chuẩn, điều kiện phải miễn nhiệm, thông báo cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị đang thường trú hoặc lao động, học tập, làm việc;

b) Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nhận xét, đánh giá báo cáo cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp xem xét, cho ý kiến với từng sĩ quan dự bị, báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh;

c) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tổng hợp danh sách, trao đổi với đơn vị dự bị động viên, báo cáo đảng ủy cùng cấp xem xét quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền và đề nghị cấp trên xét duyệt, quyết định những sĩ quan dự bị có cấp bậc, chức vụ thuộc thẩm quyền cấp trên.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Khi có quyết định sắp xếp, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng quân hàm sĩ quan dự bị, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức nơi sĩ quan dự bị lao động, học tập, làm việc tổ chức trao quyết định cho sĩ quan dự bị và thông báo bằng văn bản cho đơn vị nhận nguồn sĩ quan dự bị.".

14. Bãi bỏ Điều 20.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

"2. Tổ chức thực hiện

Sau khi kết thúc đợt tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động, đơn vị trực tiếp huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động lập danh sách quân nhân dự bị; xác nhận số ngày tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và huy động; mức trợ cấp gia đình quân nhân dự bị, gửi về Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh để chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương nơi quân nhân dự bị được gọi tập trung để chi trả trợ cấp cho gia đình quân nhân dự bị.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“b) Trường hợp giải quyết trợ cấp chết do tai nạn hoặc chết do ốm đau, tai nạn rủi ro

Thân nhân đối tượng trực tiếp hoặc gửi trên môi trường điện tử hoặc gửi qua bưu chính giấy báo tử hoặc giấy chứng tử của đối tượng hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao quyết định tuyên bố là đã chết của tòa án đã có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp mất tích) cho đơn vị trực tiếp huấn luyện. Trường hợp đơn vị trực tiếp huấn luyện có đủ điều kiện khai thác, tra cứu một trong các thông tin (giấy tờ) nêu trên từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì thân nhân đối tượng không phải nộp một trong những giấy tờ trên cho đơn vị trực tiếp huấn luyện.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, đơn vị trực tiếp huấn luyện có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, quyết định hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và thông báo cho gia đình đối tượng đến nhận trực tiếp hoặc chuyển khoản.”.

3. Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 3 và khoản 8 Điều 7.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ

a) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ;

b) Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội Quân đội" tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 2, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng.

c) Bãi bỏ, thay thế cụm từ sau:

Bãi bỏ cụm từ "Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Thay thế cụm từ "Cơ yếu cấp huyện" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích một số công trình công cộng và phụ trợ khác trong doanh trại tại Danh mục số 03 Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể, làm việc, sinh hoạt công cộng và một số công trình phụ trợ khác trong doanh trại ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm từ "Phòng Mã dịch điện mật cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 13: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng Mã dịch điện mật tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

Thay thế cụm "Cơ yếu cấp huyện và tương đương" bằng cụm từ "Cơ yếu cấp xã" tại Bảng 14: Tiêu chuẩn doanh cụ trong Phòng điện báo tại Danh mục số 04 Định mức tiêu chuẩn doanh cụ ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

d) Thay thế một số cụm từ sau:

Thay thế cụm từ "Sở Lao động - Thương binh và Xã hội" bằng cụm từ "Sở Nội vụ" tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

Thay thế cụm từ "Bảo hiểm xã hội địa phương" bằng cụm từ "Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bảo hiểm xã hội khu vực)" tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

3. Trường hợp các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính